

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DT-ST

Ngày 29/3/2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Nhung, ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 596/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Xuân T.

Địa chỉ: Đường X, thôn Y, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến T (Văn bản ủy quyền ngày 01/12/2022).

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị T.

Địa chỉ: Đường X, thôn Y, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 22/12/2020, bà Trịnh Xuân T có cho vợ chồng ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị T vay số tiền 85.000.000 đồng. Khi vay tiền, các bên có viết giấy mượn tiền và thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 22/12/2020 đến ngày 22/12/2021, tiền lãi là 5.000.000 đồng, mục đích vay để có vốn làm ăn.

Tuy nhiên, kể từ ngày vay đến nay, vợ chồng ông H, bà T mới chỉ trả được cho bà T 10.000.000 đồng tiền gốc. Hiện nay ông H, bà T còn nợ bà T 75.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông H, bà T phải trả cho bà T số tiền là 80.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 23/12/2021 đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2023, nguyên đơn có đơn thay đổi và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, nguyên đơn yêu cầu ông H, bà T phải trả số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 5.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn của số tiền gốc 75.000.000 đồng tính từ ngày 23/12/2021 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm là 9.472.000 đồng.

- Theo Bản tự khai ngày 01/12/2022, bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Ngày 22/12/2020, tôi có vay bà T số tiền là 85.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 22/12/2020 đến ngày 22/11/2021. Sau khi vay tôi đã trả được số tiền 10.000.000 đồng. Hiện nay còn nợ còn nợ số tiền gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi.

Tôi đồng ý trả cho bà T số tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, tôi xin thêm thời gian để trả nợ.

- Đối với ông Trần Thanh H: Mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông H không tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Đòi tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông H, bà T mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng, nhưng ông H, bà T vắng mặt; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay mượn tiền giữa vợ chồng ông H, bà T và bà T là có thật. Được thể hiện bằng giấy giấy mượn tiền ngày 22/12/2020 và sự thừa nhận của bà H. Theo đó, số tiền ông H, bà T vay bà T là 75.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 22/12/2020 đến ngày 22/12/2021, tiền lãi là 5.000.000 đồng, mục đích vay để có vốn làm ăn.

Sau khi vay, ông H, bà T mới chỉ trả được số tiền 10.000.000 đồng gốc và còn nợ số tiền gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi.

Việc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của ông H, bà T là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng vay tiền ngày 22/12/2020. Vì vậy, xét yêu cầu bà T yêu cầu ông H, bà T phải trả số tiền gốc 75.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 5.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn của số tiền gốc 75.000.000 đồng tính từ ngày 23/12/2021 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm là 9.472.000 đồng là phù hợp với Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông H, bà T phải chịu 4.473.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền 2.334.000 đồng tạm ứng án phí do ông Y A T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0022582 ngày 09/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Xuân T. Buộc ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Xuân T tổng số tiền nợ là 89.472.000 đồng; trong đó, tiền gốc 75.000.000 đồng; lãi trong hạn 5.000.000 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 29/3/2023 là 9.472.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] **Về án phí:** Ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị T phải chịu 4.473.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trịnh Xuân T số tiền 2.334.000 đồng tạm ứng án phí do ông Y A T đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2021/0022582 ngày 09/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

[3] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Chi cục THADS TP. BMT;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải